

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2020/HS-ST

Ngày 23 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ninh Ngọc Tú và ông Lê Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2020, thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 01/2020/TGB-TA, ngày 27/10/2020, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1981 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quý K (đã chết) và bà Hứa Thị Q, sinh năm 1955; vợ: Lãng Thị H, sinh năm 1983; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/10/2017, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi đánh bạc, đã chấp hành xong ngày 01/11/2017; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 16/6/2020 đến nay. Có mặt.

2. Lâm Văn H, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1986 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Sán chí; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn T (đã chết) và bà Trương Thị Đ, sinh năm 1952; vợ: Phan Thị P, sinh năm 1991; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện

Hữu Lũng từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nông Văn K, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1980 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: Lớp 07/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn L (đã chết) và bà Hoàng Thị M (đã chết); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 thì được hủy bỏ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Sầm Văn B, sinh ngày 11 tháng 6 năm 1988 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Văn C, sinh năm 1963 và bà Hoàng Thị L, sinh năm 1962; vợ: Triệu Thị G, sinh năm 1992; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 thì được hủy bỏ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Bùi Văn T, sinh ngày 26 tháng 11 năm 1973 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ2, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Duy Đ, sinh năm 1945 và bà Lý Thị T, sinh năm 1946; vợ: Lý Thị D, sinh năm 1976; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật, trước khi phạm tội là Đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam; bị cáo bị tạm giữ tại Công an huyện Hữu Lũng từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Hoàng Văn Đ, sinh ngày 20 tháng 5 năm 1978 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1952 và bà Long Thị T, sinh năm 1954; vợ: Đỗ Thị T, sinh năm 1980; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/7/2020 đến nay. Có mặt.

7. Đặng Văn X, sinh ngày 16 tháng 01 năm 1986 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn P, sinh năm 1963 và bà Hà Thị S, sinh năm 1963; vợ: Nông Thị T, sinh năm 1987; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. Có mặt.

8. Vy Văn X, sinh ngày 20 tháng 4 năm 1988 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Văn X1, sinh năm 1948 và bà Lý Thị N, sinh năm 1956; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. Có mặt.

9. Hoàng Văn M, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1983 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Công S, sinh năm 1953 và bà Hứa Thị C, sinh năm 1955; vợ: Hoàng Thị T, sinh năm 1984; con: Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Ngày 17/3/2017, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi đánh bạc, ngày 22/3/2017 bị cáo đã chấp hành xong; bị cáo bị tạm giam từ ngày 25/6/2020 đến nay. Có mặt.

10. Sầm Văn K, sinh ngày 14 tháng 8 năm 1989 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 08/12; dân tộc: Nùng, giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sầm Hồng S, sinh năm 1952 và bà Triệu Thị L, sinh năm 1952; vợ: Lại Thị L, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không có;

Nhân thân:

- Ngày 17/3/2017, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi đánh bạc, ngày 22/3/2017 bị cáo đã chấp hành xong.

- Ngày 07/02/2020, Công an huyện Hữu Lũng xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác, ngày 11/02/2020 bị cáo chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 16/6/2020 đến nay. Có mặt.

11. Hoàng Văn T1, sinh ngày 09 tháng 6 năm 1990 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ1, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Duy T (đã chết) và bà Long Thị K, sinh năm 1952; vợ: Hà Thị L, sinh năm 1990; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 thì được hủy bỏ và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Hoàng Văn T2, sinh ngày 07 tháng 01 năm 1986 tại huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 09/12; dân tộc: Nùng, giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn S (đã chết) và

bà Đặng Thị T, sinh năm 1959; vợ: Hoàng Thị B, sinh năm 1986; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa từng bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 24/6/2020 đến nay. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Hà Văn L, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 15/6/2020, tại quán bán hàng ăn sáng của mình, Hoàng Văn T rủ Lâm Văn H, Hoàng Văn T2, Đặng Văn X, Vy Văn X đánh bạc thì mọi người đồng ý. Nhưng Hoàng Văn T nói quán nhà Hoàng Văn T đông người, gần mặt đường không đánh bạc được thì Đặng Văn X gọi điện cho Hà Văn L, sinh ngày 15/10/1979, trú tại Thôn Đ, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn để mượn nhà kho của Hà Văn L đánh bạc. Nhưng khi nói với Hà Văn L thì Đặng Văn X chỉ nói mượn để hàn xì một tí thì Hà Văn L đồng ý. Sau khi mượn được nhà kho của Hà Văn L thì Đặng Văn X nói lại cho mọi người cùng biết rồi đi sang nhà Hà Văn L.

Lâm Văn H trên đường đi có mua 01 bộ bài tú lơ khơ. Khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến nhà Hà Văn L thì không có ai ở nhà, nhưng nhà kho mở nên các bị cáo đi thẳng vào nhà kho. Lúc này trên nền nhà kho có trải sẵn 01 chiếc chiếu thì Hiếu bỏ bộ bài ra. Các bị cáo cùng ngồi xuống đánh bạc hình thức đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền gồm có Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Hoàng Văn T2, Đặng Văn X, Vy Văn X. Một lát sau lần lượt Hoàng Văn M, Nông Văn K đến nhà Hà Văn L chơi nghe tiếng trong nhà kho biết là có đánh bạc nên cùng vào tham gia đánh bạc. Tiếp đó, Hoàng Văn Đ đến nhà Hà Văn L chơi thấy Đặng Văn X nghỉ thì vào ngồi thay chỗ và tham gia đánh bạc. Sau đó tiếp tục có Sầm Văn B đến nhà Hà Văn L tham gia đánh bạc được một lúc thì lần lượt Hoàng Văn T2, Vy Văn X nghỉ đi về.

Hoàng Văn T hỏi mọi người có ăn cơm ở nhà Hà Văn L không, tất cả đồng ý nên Hoàng Văn T thu của mỗi người 20.000đ đi mua đồ ăn để góp cùng gia đình Hà Văn L, sau đó Hoàng Văn T đi về nhà có Bùi Văn T đến chơi nên Hoàng Văn T rủ Bùi Văn T đánh bạc, Bùi Văn T đồng ý. Khoảng gần 19 giờ Hoàng Văn T, Bùi Văn T quay lại nhà Hà Văn L thì Bùi Văn T tham gia đánh bạc còn Hoàng Văn T cùng Hà Văn L nấu cơm. Khoảng 20 giờ khi nấu cơm xong thì Hoàng Văn T bảo mọi người nghỉ vào nhà ăn cơm cùng gia đình Hà Văn L.

Khoảng 21 giờ, sau khi ăn cơm xong, tất cả mọi người vẫn ngồi tại phòng khách gia đình Hà Văn L thì Hoàng Văn T rủ mọi người đánh bạc tiếp nhưng Hoàng Văn T chỉ nói là tiếp tục sang bên kia thì các bị cáo hiểu ý và đi sang nhà kho Hà Văn L để đánh bạc. Nhóm đánh bạc tiếp lúc này gồm Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ riêng Sầm Văn B đi về nhà sau đó quay lại mua thêm 01 bộ bài và tham gia đánh bạc tiếp. Hoàng Văn M ngồi nói chuyện một lát với Hà Văn L cũng sang nhà kho ngồi xem mọi người đánh bạc.

Đến khoảng 22 giờ, Hoàng Văn Đ nghỉ và cùng Hoàng Văn M đi về. Khoảng gần 23 giờ Hoàng Văn T1 gọi điện cho Sầm Văn B hỏi đang ở đâu thì Bộ nói đang đánh bạc tại nhà kho của Hà Văn L và rủ đến đánh bạc. Sầm Văn K đang đi chơi cùng Hoàng Văn T1 nên cả hai cùng đến nhà kho của Hà Văn L tham gia đánh bạc. Lúc này nhóm đánh bạc gồm Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Bùi Văn T, Sầm Văn B, Hoàng Văn T1, Sầm Văn K đến hồi 23 giờ 20 phút thì bị Công an huyện Hữu Lũng bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 chiếc chiếu cói, trên chiếu có 4.780.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ đã sử dụng, 01 bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng, thu dưới chiếu 140.000đ.
- Thu trên người Hoàng Văn T1 3.000.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 màu đen.
- Thu trên người Sầm Văn B 5.520.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu vàng đồng.
- Thu trên người Hoàng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen.
- Thu trên người Bùi Văn T 3.100.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu vàng.
- Thu trên người Sầm Văn K 5.600.000đ.
- Thu trên người Lâm Văn H 1.770.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 màu đen.
- Thu trên người Nông Văn K 15.500.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S10.

Ngày 25/6/2020, Hoàng Văn M tự nguyện giao nộp 700.000đ tiền đánh bạc.

Quá trình điều tra làm rõ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc như sau: Hoàng Văn T mang theo 700.000đ và dùng hết để đánh bạc. Nông Văn K mang theo 16.700.000đ nhưng dùng 1.200.000đ để đánh bạc. Sầm Văn B mang theo 6.000.000đ nhưng dùng 3.000.000đ để đánh bạc. Bùi Văn T mang theo 3.600.000đ nhưng dùng 600.000đ để đánh bạc. Hoàng Văn Đ mang theo 70.000đ và dùng hết để đánh bạc. Đặng Văn X mang theo 140.000đ và dùng hết để đánh bạc. Vy Văn X mang theo 1.460.000đ và dùng hết để đánh bạc. Hoàng Văn M mang theo 700.000đ và dùng hết để đánh bạc. Sầm Văn K mang theo 5.800.000đ nhưng dùng 800.000đ để đánh bạc. Hoàng Văn T1 mang theo 3.800.000đ nhưng dùng 800.000đ để đánh bạc. Hoàng Văn T2 mang theo 350.000đ và dùng hết để đánh bạc.

Trong lần đánh bạc đầu tiên cho tới khi nghỉ ăn cơm, những người đánh bạc gồm có Hoàng Văn T, Hoàng Văn T2, Lâm Văn H, Đặng Văn X, Vy Văn X, Nông Văn K, Bùi Văn T, Sầm Văn B, Hoàng Văn Đ, Hoàng Văn M. Tổng số tiền đánh bạc là 9.470.000đ (chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng).

Trong lần đánh bạc thứ hai sau khi ăn cơm, quá trình điều tra làm rõ số tiền dùng để đánh bạc gồm 4.780.000đ thu trên chiếu, 140.000đ thu dưới chiếu,

2.520.000đ thu trên người Sầm Văn B, 600.000đ thu trên người Sầm Văn K, 1.770.000đ thu trên người Lâm Văn H. Tổng số tiền đánh bạc là 9.810.000đ (chín triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Hình thức đánh liêng như sau: Dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân chia đều cho mỗi người đánh bạc 03 quân bài; trước khi chia bài thì mọi người cùng nhau bỏ ra giữa chiếu bạc một số tiền bằng nhau từ 10.000đ trở lên (tùy theo từng ván) gọi là tiền nước. Sau khi cầm bài lên người đánh bạc có thể lựa chọn “tổ” hoặc “bỏ”, “tổ” tức là bỏ thêm tiền ra giữa chiếu bạc, “bỏ” tức là không bỏ thêm tiền ra giữa chiếu bạc và úp bài không đánh ván bạc đó nữa. Quyền “tổ” đầu tiên thuộc về người chia bài, sau đó lần lượt từ trái qua phải mọi người có quyền “tổ” nếu những người trước mình “bỏ” hoặc “theo” nếu trước mình đã có người “tổ”, “theo” tức là bỏ thêm ra một số tiền bằng hoặc nhiều hơn số tiền mà người trước mình đã “tổ”, một người có thể tổ nhiều lần trong một ván. Ván bạc kết thúc khi có người “tổ” số tiền nhiều nhất mà không ai “theo”, lúc này người “tổ” nhiều tiền nhất sẽ thắng mà không cần mở bài để xem kết quả; trong trường hợp có từ 02 người trở lên có số tiền tổ bằng nhau thì mọi người cùng mở bài, bài ai cao hơn sẽ thắng. Người thắng thu được toàn bộ số tiền vào nước và tiền “tổ” của những người đánh bạc, người thua sẽ mất toàn bộ số tiền vào nước và tiền đã “tổ”. Người thắng sẽ là người chia bài ván tiếp theo.

Trường hợp phải mở bài thì phương pháp xác định kết quả mỗi ván bạc như sau, bộ bài tú lơ khơ gồm các quân từ cao đến thấp lần lượt là A, K, Q, J và 10 đến 2; mỗi quân gồm 04 chất có thứ tự các chất từ cao đến thấp lần lượt là giô, cơ, bích, nhép. Kết quả từng ván bạc lần lượt từ cao đến thấp là sấp, liêng, ảnh và tính điểm. Sấp là trường hợp có 3 quân bài cùng loại, sấp cao nhất là 3 quân A lần lượt đến sấp thấp nhất là 3 quân 2. Liêng là trường hợp có 03 quân bài liên tiếp nhau, liêng cao nhất là Q, K, A lần lượt đến liêng thấp nhất là A 2 3, khi có liêng giống nhau thì bài ai có nhiều chất cao hơn sẽ thắng. Ảnh là trường hợp có 3 quân bài đều nằm trong các quân J, Q, K nhưng không thể tạo thành sấp hoặc liêng, bài của ai có nhiều quân cao hơn, chất cao hơn thì sẽ thắng. Khi tính điểm thì số điểm tương ứng với số quân bài, A tính là 1 điểm, các quân 10, J, Q, K được tính là 0 điểm; khi tính điểm thì chỉ tính hàng đơn vị, không tính hàng chục; bài ai cao điểm hơn sẽ thắng, trường hợp có điểm bằng nhau bài ai chất cao hơn sẽ thắng.

Tại bản Kết luận giám định số 245/KLGD-PC09, ngày 20/7/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận 40.110.000đ (bốn mươi triệu một trăm mười triệu đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là thật.

Về vật chứng của vụ án:

02 bộ bài tú lơ khơ của Lâm Văn H, Sầm Văn B, 01 chiếc chiếu là của Hà Văn L được các bị cáo dùng để đánh bạc.

Số tiền 4.780.000đ thu trên chiếu, 140.000đ thu dưới chiếu, 2.520.000đ thu trên người Sầm Văn B, 600.000đ thu trên người Sầm Văn K, 1.770.000đ thu trên người Lâm Văn H, 700.000đ do Hoàng Văn M giao nộp tổng cộng 10.510.000đ là tiền các bị cáo dùng để đánh bạc.

Số tiền 29.600.000đ là của các bị cáo không dùng để đánh bạc gồm 15.500.000đ của Nông Văn K, 5.000.000đ của Sầm Văn K, 3.100.000đ của Bùi Văn T, 3.000.000đ của Sầm Văn B, 3.000.000đ của Hoàng Văn T1.

06 chiếc điện thoại di động thu giữ khi bắt quả tang là đồ vật cá nhân của các bị cáo, không dùng để đánh bạc.

Hiện tất cả các vật chứng đang tạm giữ.

Đối với Hà Văn L là chủ nhà kho có để các dụng cụ làm việc liên quan đến sắt thép và chiếu uống nước. Chiều ngày 15/6/2020, Hà Văn L không ở nhà, khi Đặng Văn X gọi điện hỏi mượn nhà kho chỉ nói để hàn xì nên Hà Văn L không biết Đặng Văn X mượn nhà kho để đánh bạc. Khi về nhà Hà Văn L có vào nhà kho nhưng khẳng định không nhìn thấy có người đánh bạc, chỉ thấy mấy người ngồi chơi. Quá trình ăn cơm tối cùng gia đình Hà Văn L các bị cáo đều khai báo không nói gì liên quan đến hành vi đánh bạc. Khi ăn cơm xong, Hoàng Văn T chỉ bảo mọi người sang bên kia, nên Hà Văn L không hiểu các bị cáo tiếp tục dùng nhà kho của mình để đánh bạc. Theo quy định của Bộ luật Hình sự hành vi của Hà Văn L chưa đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc với vai trò đồng phạm, do chưa có ý thức cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong cùng một thời điểm chưa có lần nào tổng số người đánh bạc là từ 10 người trở lên, nên không có căn cứ xử lý Hà Văn L về tội gá bạc. Ngày 09/9/2020, Công an huyện Hữu Lũng đã có tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng xử lý hành vi vi phạm hành chính đối với Hà Văn L.

Tại bản Cáo trạng số 44/CT-VKSHL-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 phạm tội Đánh bạc, về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 08 đến 10 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng Khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn H từ 15 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian 27 ngày.

Khấu trừ thu nhập từ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn K từ 13 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian 27 ngày. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Phạt bổ sung 10.000.000đ – 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 50, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn B từ 15 đến 20 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian 27 ngày. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 13 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ được trừ đi thời gian 27 ngày. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ từ 06 đến 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 22/7/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn X từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vy Văn X từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn M từ 05 đến 07 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn K từ 06 đến 09 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của

bị cáo đề sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 300.000đ – 500.000đ thu nhập hàng tháng của bị cáo đề sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ, 01 bộ bài, 01 chiếu cói.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc là 10.510.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 màu đen và số tiền 3.000.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu vàng đồng và số tiền 3.000.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208 màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu vàng đồng và số tiền 3.100.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Lâm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 màu đen.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S10 và số tiền 15.500.000đ.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn K số tiền 5.000.000đ.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo trình bày đã ăn năn hối cải xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Văn L vắng mặt, tuy nhiên, lời khai của người vắng mặt tại cơ quan điều tra đã rõ, việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử do đó căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không có ai có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thực hiện điều hợp pháp.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trưa ngày 15/6/2020, khi thấy một số người ở trong quán bán hàng của mình thì Hoàng Văn T nảy sinh ý định và rủ mọi người tham gia đánh bạc. Do Hoàng Văn T nói không được đánh bạc tại quán của mình nên Đặng Văn X gọi điện hỏi mượn nhà kho của Hà Văn L tại thôn Đ, xã T, huyện H để hàn xì thì Hà Văn L đồng ý. Đặng Văn X nói lại cho mọi người biết, khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày các bị cáo đến nhà kho của Hà Văn L bắt đầu đánh liêng sát phạt nhau bằng tiền gồm có Hoàng Văn T, Hoàng Văn T2, Lâm Văn H, Đặng Văn X, Vy Văn X. Sau đó có thêm các bị cáo khác đến tham gia đánh bạc gồm Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T. Quá trình đánh bạc một số bị cáo về trước, một số ở lại ăn cơm tối cùng Hà Văn L, đến khoảng 21 giờ cùng ngày lại tiếp tục đánh bạc gồm có Hoàng Văn T, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Hoàng Văn Đ. Đánh bạc một lát thì Hoàng Văn Đ nghỉ về trước thì có Hoàng Văn T1, Sầm Văn K đến tham gia đánh bạc hồi 23 giờ 20 phút cùng ngày thì bị bắt quả tang. Quá trình điều tra đã làm rõ số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc lần thứ nhất là 9.470.000đ (chín triệu bốn trăm bảy mươi nghìn đồng), lần thứ hai là 9.810.000đ (chín triệu tám trăm mười nghìn đồng). Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, ảnh hưởng không tốt đến trật tự trị an trên địa bàn. Để bảo vệ trật tự công cộng, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa cần phải xử lý nghiêm các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo như trên, cần có hình phạt tương xứng đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 chưa có tiền án, tiền sự nên có nhân thân tốt; bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn M đã 01 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo Sầm Văn K 02 lần bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc và hành vi xâm hại sức khỏe người khác nên các bị cáo có nhân thân không tốt.

[7] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ đã thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn Tùng, Hoàng Văn T2 không có tình tiết tăng nặng.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo tại cơ quan điều

tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Hoàng Văn M và Bùi Văn T có bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến Hạng nhì. Các bị cáo Hoàng Văn T, Bùi Văn T, Nông Văn K, Lâm Văn H, Sầm Văn B được chính quyền địa phương xác nhận là lao động chính trong gia đình, bị cáo Bùi Văn T, Nông Văn K, Lâm Văn H, Sầm Văn B quá trình sinh sống tại địa phương luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước. Do đó, các bị cáo Hoàng Văn M, Hoàng Văn T, Bùi Văn T, Nông Văn K, Lâm Văn H, Sầm Văn B được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[9] Xét về vai trò đồng phạm: Bị cáo Hoàng Văn T là người khởi xướng việc đánh bạc, bị cáo Lâm Văn H, Sầm Văn B là người chuẩn bị các dụng cụ đánh bạc (mỗi người chuẩn bị một bộ bài tứ lơ khơ) còn bị cáo Đặng Văn X là người liên hệ với anh Hà Văn L chủ nhà kho để mượn địa điểm đánh bạc. Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi các bị cáo không có kế hoạch, không có phân công nhiệm vụ cụ thể nên chỉ là đồng phạm giản đơn, bộc phát.

[10] Xét thấy các bị cáo Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà để các bị cáo cải tạo, giáo dục tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung tội phạm.

[11] Xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Hoàng Văn T, Hoàng Văn M, Hoàng Văn Đ, Sầm Văn K nhận thấy, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[12] Do các bị cáo Lâm Văn H, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 đều có sức khỏe, có thu nhập nên khấu trừ một phần thu nhập của mỗi bị cáo từ 5% - 20% thu nhập trong thời gian cải tạo không giam giữ với mức thu từ 300.000đồng đến 500.000đồng/tháng để sung vào ngân sách nhà nước, tương ứng với hành vi phạm tội của các bị cáo. Riêng bị cáo Nông Văn K, Hội đồng xét xử quyết định không thực hiện khấu trừ thu nhập đối với bị cáo mà sẽ áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[13] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với bị cáo Nông Văn K có nghề nghiệp là lái xe, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[14] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[15] Tịch thu tiêu hủy 52 quân bài tú lơ khơ, 01 bộ bài, 01 chiếu cối.

[16] Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc là 10.510.000đ.

[17] Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 màu đen và số tiền 3.000.000đ.

[18] Trả lại cho bị cáo Sầm Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu vàng đồng và số tiền 3.000.000đ.

[19] Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208 màu đen.

[20] Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu vàng đồng và số tiền 3.100.000đ.

[21] Trả lại cho bị cáo Lâm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 màu đen.

[22] Trả lại cho bị cáo Nông Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S10 và số tiền 15.500.000đ.

[23] Trả lại cho bị cáo Sầm Văn K số tiền 5.000.000đ.

[24] Đối với số tiền của các bị cáo Bùi Văn T, Nông Văn K, Hoàng Văn T1 được trả lại, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[25] Đối với Hà Văn L là chủ nhà kho các bị cáo đánh bạc, Hà Văn L chỉ đồng ý cho bị cáo Đặng Văn X đến nhà kho của mình để hàn xì, L không biết các bị cáo đánh bạc tại kho của mình từ khi nào và đánh bạc như nào nên không có căn cứ xử lý Hà Văn L về tội đánh bạc và gá bạc. Ngày 09/9/2020, Công an huyện Hữu Lũng đã có tờ trình đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hữu Lũng xử lý hành vi vi phạm hành chính đối với Hà Văn L là phù hợp.

[26] Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 do là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại địa bàn vùng sâu, xa có hoàn cảnh khó khăn và tại phiên tòa đều xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử quyết định các bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[27] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Bùi Văn T, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2 phạm tội Đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn T 08 (tám) tháng tù, tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 16/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lâm Văn H 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 là 09 ngày, quy đổi thành 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1,3 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn K 14 (mười bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 là 09 ngày, quy đổi thành 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 13 (mười ba) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Phạt bổ sung 10.000.000đ (mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn B 15 (mười năm) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 là 09 ngày, quy đổi thành 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 14 (mười bốn) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử

phạt bị cáo Bùi Văn T 13 (mười ba) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 là 09 ngày, quy đổi thành 27 ngày, thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 12 (mười hai) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giam ngày 22/7/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Văn X 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vy Văn X 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38, khoản 3 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn M 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 25/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Sầm Văn K 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 16/6/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ đi thời gian bị tạm giữ từ ngày 16/6/2020 đến ngày 24/6/2020 là 09 ngày, quy đổi thành 27 ngày,

thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 08 (tám) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 17, Điều 58, Điều 36 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Hoàng Văn T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn nhận được bản án và quyết định thi hành án. Khấu trừ thu nhập của bị cáo 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) một tháng trong thời gian cải tạo không giam giữ để sung vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 52 quân bài tú lơ khơ, 01 bộ bài tú lơ khơ chưa qua sử dụng, 01 chiếu cói kích thước (1,6x1,8)m.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền đánh bạc là 10.510.000đ (Mười triệu năm trăm mười nghìn đồng), cụ thể như sau:

+ Tiền trên chiếu bạc 4.780.000đ (bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng), trong phong bì thư ký hiệu 01, được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Tiền trên chiếu bạc 4.780.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ Tiền thu dưới chiếu 140.000đ (một trăm bốn mươi nghìn đồng), trong phong bì thư ký hiệu 07 được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Tiền dưới chiếu 140.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ Số tiền 2.520.000đ (hai triệu năm trăm hai mươi nghìn đồng) thu trên người bị cáo Sầm Văn B, trong phong bì thư ký hiệu 03, được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Sầm Văn B 5.520.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ Số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) thu trên người bị cáo Sầm Văn K, trong phong bì thư ký hiệu 05, được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Sầm Văn K 5.600.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ Số tiền 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng) thu trên người bị cáo Lâm Văn H, trong phong bì thư ký hiệu 06, được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Lâm Văn H 1.770.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

+ Số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) trong phong bì thư được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Hoàng Văn M 700.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 màu đen, đã cũ, IMEI 1: 199551, IMEI 2: 199544 và số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) trong phong bì thư ký hiệu 02, được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Hoàng Văn T1 3.000.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J5 màu vàng đồng, đã cũ, IMEI1: 815312, IMEI 2: 815310 và số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) trong phong bì thư ký hiệu 03 được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Sầm Văn B 5.520.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (là số tiền còn lại sau khi đã trừ đi số tiền bị cáo đánh bạc).

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1208 màu đen, đã cũ, IMEI: 314290.

- Trả lại cho bị cáo Bùi Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 màu vàng đồng, đã cũ, IMEI 1: 798522, IMEI 2: 798520 và số tiền 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng) trong phong bì thư ký hiệu 04 được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Bùi Văn T 3.100.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho bị cáo Lâm Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F11 màu đen, đã cũ, IMEI 1: 530925, IMEI 2: 530945.

- Trả lại cho bị cáo Nông Văn K 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung S10, màu đen, đã cũ và số tiền 15.500.000đ (mười năm triệu năm trăm nghìn đồng) trong phong bì thư ký hiệu 08 được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Nông Văn K 15.500.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn.

- Trả lại cho bị cáo Sầm Văn K số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), trong phong bì thư ký hiệu 05 được niêm phong dán kín, mặt trước có dòng chữ viết tay “Sầm Văn K 5.600.000đ”, tại vị trí niêm phong sau giám định có chữ ký cùng tên của giám định viên, trợ lý giám định và đóng dấu của Phòng Kỹ thuật

hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn (là số tiền còn lại sau khi đã trừ đi số tiền bị cáo đánh bạc).

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 09/10/2020 giữa Công an huyện Hữu Lũng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn)

Tạm giữ toàn bộ số tiền của các bị cáo Hoàng Văn T1, Bùi Văn T, Nông Văn K được trả lại để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Hoàng Văn T, Lâm Văn H, Nông Văn K, Sầm Văn B, Hoàng Văn Đ, Đặng Văn X, Vy Văn X, Hoàng Văn M, Sầm Văn K, Hoàng Văn T1, Hoàng Văn T2.

Bị cáo Bùi Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Công an huyện Hữu Lũng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Bị cáo; Người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết